TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2025/DS-ST
Ngày: 10 – 02 - 2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và ông Trần Đại Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Cao Tấn Tiền – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 246/2024/TLST-DS ngày 23/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2024/QĐXXST-DS ngày 24/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP L; Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà L, số B đường T, Phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: 1 H, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Nam T – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Tấn V – Giám đốc Chi nhánh P. Người đại diện theo uỷ quyền lại: Bà Phan Thị Thu T1- chuyên viên xử lý nợ (Giấy uỷ quyền số 39/2024/GUQ-LPB.PY ngày 03/10/2024). Bà T1 có mặt tại phiên toà.

- Bị đơn:

+Bà Phan Thị Bích T2, sinh năm 1978. Địa chỉ: B D, Phường D, Thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1957, địa chỉ: B D, Phường D, Thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP L do bà Phan Thị Thu T1 đại diện trình bày: Giữa Ngân hàng và bà Phan Thị Bích T2, bà Nguyễn Thị T3 có ký kết Hợp đồng tín dụng số HDTD60020211230 ký ngày 26/5/2021, số tiền cho vay là 50.000.000 đồng, phương thức cho vay từng lần, mục đích cho vay để tiêu dùng mua sắm vật

dụng gia đình. Khoản vay không có tài sản bảo đảm, dùng nguồn thu nhập từ lương để trả nợ. Thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày 26/5/2021 đến hết ngày 26/5/2025. Số tiền đã giải ngân là 50.000.000 đồng. Số tiền gốc phải trả hàng tháng là 1.088.000 đồng vào ngày 10 kỳ trả nợ gốc.

Bà T2 và bà T3 không thực hiện đúng các cam kết thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng có nhắn tin, gọi điện để nhắc nợ khách hàng nhưng bà T2 và bà T3 không trả. Ngân hàng xuống tận nơi khách hàng ở để làm việc nhưng cũng không nhận được sự hợp tác trả nợ. Bị đơn chưa thanh toán từ ngày 11/12/2023 đến nay. Nhóm nợ hiện tại là nhóm 4.

Tổng nợ tạm tính đến ngày 26/9/2024 theo đơn kiện ngày 02/10/2024 thì khoản nợ gốc là 9.792.860 đồng, nợ gốc quá hạn: 10.829.974 đồng; Nợ lãi quá hạn 4.317.111 đồng (Phạt lãi quá hạn 121.324 đồng, phạt gốc quá hạn là 512.551 đồng). Tổng cộng số nợ là 25.626.909 đồng.

Ngân hàng yêu cầu bà Phan Thị Bích T2 và bà Nguyễn Thị T3 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng HDTD60020211230 ký ngày 26/5/2021.

Bị đơn bà Phan Thị Bích T2 và bà Nguyễn Thị T3 vắng mặt nên không có lời trình bày.

*Biên bản xác minh ngày 06/12/2024 tại Công an P1, thành phố T, tỉnh Phú Yên xác định bà Phan Thị Bích T2, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1957 có đăng ký thường trú tại địa chỉ B D, Phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Hiện nay, bà T3 và bà T2 có mặt và sinh sống tại địa chỉ trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ tại địa chỉ thường trú của bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn Phan Thị Bích T2 và bà Nguyễn Thị T3 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn Phan Thị Bích T2 và bà Nguyễn Thị T3 phải trả số tiền 28.243.033 đồng trong đó nợ gốc là 20.622.834 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.267.111 đồng, lãi chậm trả 1.353.088 đồng tạm tính đến ngày 10/02/2025. Bà T2, bà T3 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày 10/02/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn Phan Thị Bích T2 và Nguyễn Thị T3 vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 100, 103 Luật Tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Phan Thị Bích T2 và Nguyễn Thị T3 phải trả số nợ gốc là 20.622.834 đồng và lãi theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả nợ xong. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần L và bị đơn Phan Thị Bích T2 và Nguyễn Thị T3 được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn Phan Thị Bích T2 và Nguyễn Thị T3 có địa chỉ thường trú tại B D, Phường D, thành phố T, Phú Yên nên Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn Phan Thị Bích T2 và Nguyễn Thị T3 theo nội dung Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD60020211230 ngày 26/5/2021, bị đơn có địa chỉ thường trú tại B D, Phường D, thành phố T, Phú Yên. Kết quả xác minh tại Công an P1, thành phố T, tỉnh Phú Yên xác định bà T2 và bà T3 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại B D, Phường D, thành phố T, Phú Yên và đang có mặt và sinh sống tại địa chỉ trên. TAND thành phố Tuy Hòa tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn Phan Thị Bích T2 và Nguyễn Thị T3 vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn cung cấp Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD60020211230 ngày 26/5/2021 ký kết giữa Ngân hàng và bà Phan Thị Bích T2 và bà Nguyễn Thị T3 thể hiện nội dung bà T2 và bà T3 vay của Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng mua sắm đồ gia đình – thanh toán tiền mua nội thất với số tiền 50.000.000 đồng theo Hợp đồng mua bán ngày 26/5/2021. Thời hạn vay 48 tháng tính từ ngày 26/5/2021 đến 26/5/2025. Lãi suất cho vay thoả thuận phù hợp với quy định pháp luật. Khoản vay không có tàn sản bảo đảm – Dùng nguồn thu nhập từ lương để trả nợ. Tính đến kỳ thanh toán nợ gốc ngày 11/12/2023 thì bà T2, bà T3 trả được số tiền 29.377.166 đồng tiền gốc và 10.383.426 đồng tiền lãi. Từ ngày 11/12/2023 không thanh toán theo thoả thuận giữa các bên, nhóm nợ hiện tại là nhóm 4. Số nợ gốc của bà T2 và bà T3 tính đến ngày xét xử là 20.622.834 đồng.

[4] Bị đơn Phan Thị Bích T2 và Nguyễn Thị T3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng, không có lời trình bày ý kiến tại Tòa nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Xét, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 11/12/2023, yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ gốc là phù hợp với quy định tại Điều 4 Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ ngày 26/5/2021, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Phan Thị Bích T2 và Nguyễn Thị T3 phải trả số nợ gốc số tiền 20.622.834 đồng cho nguyên đơn.

[5] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn Phan Thị Bích T2 và Nguyễn Thị T3 phải thanh toán các khoản lãi nợ gốc quá hạn là 6.267.111 đồng, lãi chậm trả 1.353.088 đồng tạm tính đến ngày xét xử hôm nay và tiếp tục phải chịu các khoản lãi phạt tính từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả nợ xong. Xét bà T2 và bà T3 vi

phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên nên ngoài việc có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc thì còn có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi phát sinh tính trên dư nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận là phù hợp quy định tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP.

[6] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Phan Thị Bích T2 và Nguyễn Thị T3 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi tất toán xong toàn bộ số nợ.

[7] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn lại tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn Phan Thị Bích T2 và Nguyễn Thị T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 7, 8, 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần L; Buộc bị đơn Phan Thị Bích T2 và Nguyễn Thị T3 phải trả cho nguyên đơn số tiền 28.243.033 đồng (*Hai mươi tám triệu, hai trăm bốn mươi ba nghìn không trăm ba mươi ba đồng*) trong đó nợ gốc là 20.622.834 đồng (*Hai mươi triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, tám trăm ba mươin bốn nghìn*), nợ lãi là 7.620.199 đồng (*Bảy triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, một trăm chín mươi chín đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Phan Thị Bích T2 và bà Nguyễn Thị T3 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi tất toán xong toàn bộ số nợ.

Về án phí: Bị đơn Phan Thị Bích T2 và Nguyễn Thị T3 phải chịu 1.412.151 đồng (*Một triệu bốn trăm mười hai nghìn một trăm năm mươi mốt đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP L số tiền 641.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002914 ngày 22/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Uyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**